

Ban Quản trị Chung cư Rừng Cọ

Khu đô thị Thương mại và Du lịch Văn Giang,
xã Phụng Công, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo tổng hợp cân đối thu chi
cho kỳ báo cáo đến ngày 30 tháng 09 năm 2025

BÁO CÁO CÂN ĐỐI THU CHI QUỸ HOẠT ĐỘNG

Từ ngày 01/01 đến ngày 30/09 năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số kế hoạch	Số thực hiện	Ghi chú
			VND	VND	
	Số dư từ năm trước chuyển sang	3.2		58.214.551.157	
	I. Nguồn thu		-	3.252.143.435	
062 1	Thu phần kết dư quản lý vận hành		-	-	
062 2	Thu tiền hoạt động cung cấp dịch vụ		-	2.490.169.801	
062 3	Thu tiền lãi tiền gửi nguồn kinh phí Hoạt động		-	-	
062 4	Thu khác		-	761.973.634	
-	Standee			110.850.000	
-	Thuế vi tri			134.760.000	
-	Thuế Quang Cao			366.363.634	
-	Thuế vi tri tram thu sống			150.000.000	
	II. Các khoản thực chi		2.629.842.740	2.697.403.217	
104 1.	Tạm ứng Sửa chữa, thay thế, bổ sung phương tiện, thiết bị PCCC		1.000.000.000	1.000.000.000	
105 2.	Thù lao, phụ cấp Ban quản trị		227.500.000	159.585.000	
106 3.	Chi cho hoạt động của chung cư		1.304.793.534	1.303.210.614	
-	Tiền điện		48.716.351	46.773.431	
-	Bảo trì hệ thống cấp nước		160.992.360	160.992.360	
-	Xử lý Bể phốt		260.062.530	260.062.530	
-	Phòng cháy chữa cháy		239.432.620	239.432.620	
-	Camera an ninh			360.000	
-	Bảo trì thang máy		332.561.089	332.561.089	
-	Bảo trì sửa chữa cửa		50.515.000	50.515.000	
-	Vật tư sửa chữa thay thế điện nước		212.513.584	212.513.584	
107 4.	Chi cho hoạt động của Ban quản trị		66.531.706	66.531.706	
108 5.	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước			145.458.397	
110 -	Thuế Thu nhập doanh nghiệp 2024		62.715.188	62.715.188	
110 -	Thuế Giá trị Gia tăng Quý 1-3/ 2025		38.533.682	16.698.000	
111 -	Thuế Thu nhập cá nhân		12.585.500	16.458.993	
111 -	Thuế Môn bài		1.000.000	1.000.000	
111 -	Nộp phạt lĩnh vực kê khai thuế và PCCC		48.586.216	48.586.216	
6.	Chi khác		31.017.500	22.617.500	
109 -	Phí ngân hàng		1.017.500	1.017.500	
112 -	Thuế chuyển giao tư vấn lựa chọn đơn vị Quản lý vận chung cư		30.000.000	21.600.000	
	III. Cân đối thu chi trong năm			554.740.218	
	Số dư chuyển sang kỳ sau		-	58.769.291.375	

Người lập

Tiểu ban Tài chính - Kế toán

Nguyễn Thanh Tuấn

Hưng Yên, ngày 5 tháng 11 năm 2025

Trưởng ban quản trị

Trần Anh Tuấn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Từ ngày 01/01 đến ngày 30/09 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		59.188.768.746	58.922.445.116
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.080.874.787	4.114.551.157
1. Tiền	111		4.080.874.787	4.114.551.157
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		53.400.000.000	54.100.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	53.400.000.000	54.100.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.694.212.909	694.212.909
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	52.310.000	52.310.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.616.114.679	616.114.679
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	25.788.230	25.788.230
IV. Hàng tồn kho	140		13.681.050	13.681.050
1. Hàng tồn kho	141	V.6	13.681.050	13.681.050
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		0	0
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		0	0
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		0	0
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
VI. Tài sản dài hạn khác	260		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		59.188.768.746	58.922.445.116
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		56.081.809.566	56.004.374.957
I. Nợ ngắn hạn	310		56.081.809.566	56.004.374.957
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	153.244.520	145.301.600
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.8	127.490.000	133.690.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	20.732.189	2.770.000
4. Phải trả người lao động	314		57.729.500	0
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	2.059.081.239	2.059.081.239
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	53.663.532.118	53.663.532.118
II. Nợ dài hạn	330		0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.395.375.768	2.918.070.159
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	4.395.375.768	2.918.070.159
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.395.375.768	2.918.070.159
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			2.918.070.159

Ban Quản trị Chung cư Rừng Cọ

Khu đô thị Thương mại và Du lịch Văn Giang,
Xã Phụng Công, tỉnh Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán
cho kỳ báo cáo đến ngày 30 tháng 09 năm 2025

- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	4.395.375.768		
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	0		0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	60.477.185.334	58.922.445.116	

Người lập

Hưng Yên, ngày 5 tháng 11 năm 2025
Tiểu ban Tài chính - Kế toán Trưởng ban quản trị


Nguyễn Thanh Trung




Nguyễn Anh Tuấn



Ban Quản trị Chung cư Rừng Cọ
Khu đô thị Thương mại và Du lịch Văn Giang,
Xã Phụng Công, tỉnh Hưng Yên

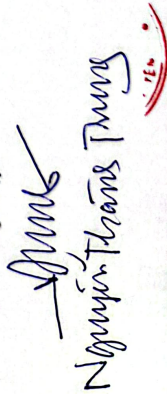
Bảng cân đối kế toán
cho kỳ báo cáo đến ngày 30 tháng 09 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Từ ngày 01/01 đến ngày 30/09 năm 2025

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	768.173.634	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		38.533.682	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		729.639.952	
4. Giá vốn hàng bán	11			
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		729.639.952	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	2.490.169.801	
7. Chi phí tài chính	22			
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	25			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.3	1.631.202.740	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		1.588.607.013	
11. Thu nhập khác	31	VI.4		
12. Chi phí khác	32	VI.5	111.301.404	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-111.301.404	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.477.305.609	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		1.477.305.609	

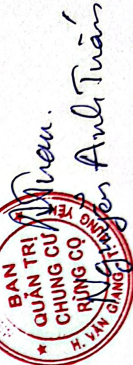
Người lập

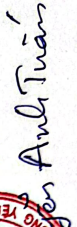

Nguyễn Hoàng Trung

Tiểu ban Tài chính - Kế toán

Hưng Yên, ngày 5 tháng 10 năm 2025

Trưởng ban quản trị


Ban Quản trị Chung cư Rừng Cọ
Hưng Yên


Nguyễn Anh Tuấn